

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu công nghệ cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: (028) 3930 1964

Website: www.chipsang.vn

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



Tháng 6/2023



Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Trụ sở chính: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, TP Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: 028 3930 1964 – Website: www.chipsang.vn
Mã số doanh nghiệp: 0304392302

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Kính gửi Quý cổ đông:

Mã cổ đông:

Địa chỉ:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Chíp Sáng, cụ thể như sau:

- Thời gian: Vào lúc 9:00, thứ Bảy ngày 17/6/2023
- Địa điểm: Khách sạn Victory - Phòng 6A (Lầu 6) – 14 Võ Văn Tần - Phường Võ Thị Sáu - Quận 3 – Tp. Hồ Chí Minh (Tại ngã tư Nam Kỳ Khởi Nghĩa & Võ Văn Tần)
- Nội dung Đại hội: Các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, chi tiết tại Website www.chipsang.vn từ ngày 27/05/2023.
- Ủy quyền tham dự Đại hội: Nếu Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý cổ đông vui lòng điền đầy đủ thông tin vào giấy ủy quyền (theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của Luật dân sự) và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày 17/06/2023.
- Địa chỉ liên hệ hỗ trợ:

Người Liên hệ:	Địa chỉ:	Email/Điện thoại:
Ms. Phương - Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư	Tòa nhà SCID 253 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Email: hongphuong140399@gmail.com Điện thoại: 028 3930 1964

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CỘNG TY
CỔ PHẦN
CHÍP SÁNG
QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH
PHẠM NGỌC TUẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHÍP SÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân/tổ chức:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Mã cổ đông: Điện thoại: Email:
Địa chỉ:
Số cổ phần đại diện/sở hữu: (Bằng chữ: cổ phần)

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN: (Vui lòng đánh dấu chéo để chọn)

- ☐ Ông Phạm Ngọc Tuấn - Chủ tịch HĐQT
☐ Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT
☐ Ông Đặng Duy Hợp – Thành viên HĐQT
☐ Ông Phạm Trung Kiên – Thành viên HĐQT
☐ Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT
☐ Khác (vui lòng điền thông tin bên dưới)

Tên cá nhân:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại Email (*):
Số cổ phần được ủy quyền: (Bằng chữ: cổ phần)

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự đại hội, thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.
- Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức đại hội của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký, Họ tên, Đóng dấu)

Ngày ... tháng năm 2023

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, Họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

- Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi được gửi về Ban tổ chức trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

chipsang

Địa chỉ: Lô T 2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, P. Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, TP.HCM

Giấy CNĐKDN số: 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp

ĐT: (028) 3930 1964

Website: www.chipsang.vn



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Bắt đầu lúc 09:00, Thứ Bảy ngày 17 tháng 06 năm 2023)

Thời gian	Nội dung
8:30 – 9:00	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: Kiểm tra tư cách đại biểu;
9:00 – 9:15	Khai mạc Đại hội: - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội. - Tuyên bố lý do. - Người Điều phối giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký. - Người Điều phối giới thiệu Ban kiểm phiếu và Đại hội biểu quyết. - Thông qua Quy chế làm việc. - Thông qua chương trình Đại hội.
9:15 – 09:45	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc, trình bày các nội dung sau: - Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022; Định hướng chiến lược năm 2023. - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022; Kế hoạch hoạt động năm 2023. - Báo cáo của Ban Điều hành năm 2022; Kế hoạch hoạt động năm 2023 - Báo cáo KQKD năm 2022 và ước tính KQKD của 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng.
09h45 - 10h10	Các tờ trình Đại hội - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán (Riêng và hợp nhất). - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2023. - Tờ trình thông qua kết quả kinh doanh năm 2022 và tỷ lệ trích quỹ phúc lợi năm 2022. - Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 và Trích tỷ lệ khen thưởng cho phần vượt kế hoạch lợi nhuận và quỹ phúc lợi cho năm 2023. - Tờ trình thông qua quỹ thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2023. - Tờ trình thông qua việc giải thể Công ty TNHH Chíp Sáng-Ashmanov.
10:10 – 10:40	Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết từng vấn đề.
10:40 – 11:00	Nghỉ giải lao
11:00 - 11:10	Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11:10 – 11:20	Ban tổ chức phát quà cho Đại biểu tham dự.
11:20 – 11:25	Tuyên bố bế mạc Đại hội.

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHÍP SÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần Chíp Sáng diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Chíp Sáng và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Chíp Sáng đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Chíp Sáng
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát

- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng Cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% cổ phần có quyền biểu quyết¹.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 17/06/2022 đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*)

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì.
- Đoàn chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 04 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tọa
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
3	Ông Đặng Duy Hợp	Thành viên
4	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên
5	Ông Vũ Thái Hà	Thành viên

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua;
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
 - Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);
 - Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội;
 - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
 - Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội;

- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội;
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban
2	Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên
3	Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên

- Nhiệm vụ:
- Kiểm tra tư cách cổ đông và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành;
- Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Thư ký Đại hội

- Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Thư ký do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS
2	Bà Huỳnh Thị Cẩm Thu	Nhân viên hành chính

- Nhiệm vụ:
- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 02 người, Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Ông Ngô Quốc Hùng	Trưởng ban
2	Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên

- Nhiệm vụ:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 12. Thảo luận, biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Hình thức biểu quyết:

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS, BDH; Biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình tại Đại hội; Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

3. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 12.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tịch. Trường hợp Đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 22/05/2023) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 6.915.019 cổ phần tương đương với 6.915.019 quyền biểu quyết.

Đối với hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, quyết định sẽ được thông qua khi có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội, quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Biên bản phải được lập bằng Tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty Cổ phần Chíp Sáng biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

PHẠM NGỌC TUẤN

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 20 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty. Công ty tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 24/6/2023.

HDQT trân trọng cảm ơn sự đồng hành và chia sẻ những khó khăn của quý cổ đông trong suốt thời gian vừa qua.

HDQT công ty xin báo cáo về kết quả hoạt động trong năm 2022, kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022, kế hoạch năm 2023 và định hướng hoạt động những năm tiếp theo như sau:

I. Tình hình hoạt động năm 2022

1/ Tình hình hoạt động của HDQT năm 2022:

Sau nhiều năm thực sự khó khăn, đến cuối năm 2019, công ty có mức lỗ lũy kế lên đến 21,3 tỷ và cạn kiệt vốn hoạt động. Bắt đầu từ năm 2020, công ty đã bắt đầu có lãi và mức lãi này có xu hướng tăng hàng năm. Trong suốt các năm vừa qua, công ty đã bảo toàn vốn tốt và lãi hàng năm theo dự báo sẽ tăng trưởng hàng năm cho đến hết năm 2025.

Cho đến nay, sau 3 năm liên tiếp từ 2020 – 2022. Đến cuối năm 2022, công ty chỉ còn lỗ lũy kế 4,4 tỷ. Nếu tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 thuận lợi, công ty sẽ hết lỗ lũy kế và có lợi nhuận dương. Điểm đặc biệt của công ty là tuy còn lỗ lũy kế, nhưng không mắc nợ ngân hàng và đang nắm giữ lượng tiền mặt đủ lớn để tìm cơ hội đầu tư an toàn và hiệu quả.

Những khó khăn và thuận lợi chủ yếu của công ty trong năm 2022, như sau:

Về khó khăn:

- (1) Hợp đồng thuê với SCID chỉ còn đến 30/12/2022, nhưng vẫn chưa ký được gia hạn hợp đồng với SCID. Điều này đã ảnh hưởng không tốt đến việc kinh doanh của Chipsang.
- (2) Chưa quyết định được việc đầu tư vì tiềm ẩn nhiều rủi ro không quản lý được.
- (3) Tuy lợi nhuận có tăng lên nhưng vẫn chưa bù đắp được lỗ lũy kế.

Bên cạnh những khó khăn trên, công ty cũng có một số thuận lợi như sau:

- (1) Nhận được cổ tức liên tục và ngày càng tăng từ Liên doanh SCS.
- (2) Tuy trễ, nhưng đã ký được hợp đồng thuê dài hạn 3 năm đối với SCID. Thời hạn thuê đến 30/12/2025 với giá không đổi trong 3 năm.
- (3) Tiến trình niêm yết cổ phiếu Chíp Sáng lên sàn UPCOM tuy có chậm nhưng đang có những tiến triển khá tốt.

Trước tình hình nêu trên, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp quan trọng với các nội dung chủ yếu như sau:

Ngày	Nội dung chủ yếu
19/2/2022	- Thống nhất KQKD chưa kiểm toán năm của Chíp-Sáng 2021: doanh thu: 7,4 tỷ; LNTT: 4,2 tỷ. - Ghi nhận KQKD chưa kiểm toán của LD SCS năm 2021: tổng doanh thu: 53,9 tỷ; LNTT: 26 tỷ. - Thống nhất chủ trương đầu tư trái phiếu & yêu cầu soạn thảo quy chế đầu tư cổ phiếu để HĐQT xem xét thông qua. - Thống nhất chủ trương tìm cơ hội đầu tư mới phù hợp với nguồn lực của công ty.
15/4/2022	- Thống nhất KHKD năm 2022 của Chíp Sáng với doanh thu: 11,9 tỷ; LNTT: 4,3 tỷ. - Thông qua KHKD năm 2022 của LD SCS: doanh thu: 51,7 tỷ; LNTT: 26 tỷ. - Thống nhất ngày 21/5/2022, HĐQT sẽ họp bàn về việc tối ưu hóa tài chính đang nắm giữ. - Thống nhất tháng 4/2022, gửi công văn cho SCID về việc gia hạn thời gian cho thuê.
23/5/2022	- Thông qua chương trình và nội dung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. - Giải quyết dứt điểm việc gia hạn thuê với SCID. - Nhanh chóng tìm phương án và thực hiện đầu tư phù hợp.
15/9/2022 (Online)	- Thống nhất ký hợp đồng gia hạn khai thác tiếp tòa nhà 253-Điện Biên Phủ thêm 3 năm kể từ 18/12/2022 đến 17/12/2025.
20/10/2022	- Thực hiện đăng ký toàn bộ 8.029.080 cổ phiếu của công ty Chíp Sáng tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) - Chọn mã chứng khoán để đăng ký lưu ký tập trung là CCS.
26/10/2022	- Thông qua KQKD 10 tháng/2022 của công ty Chíp Sáng: doanh thu: 5,6 tỷ; LNTT: 2,6 tỷ. - Thông qua KQKD 10 tháng/2022 của LD SCS: doanh thu: 43,7 tỷ; LNTT: 24,2 tỷ. - Tiếp tục triển khai các phương án kinh doanh, đầu tư đã được HĐQT xem xét. - Tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu các phương án hợp tác, đầu tư khác phù hợp trình HĐQT xem xét. - Giao Ban điều hành lập KH ngân sách cho việc sửa chữa tòa nhà SCID để đưa vào khai thác kinh doanh.

2. Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022.

Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

Kết quả thực hiện các nội dung chính của Nghị quyết ĐHCĐ thường niên như sau:

2.1 Kết quả kinh doanh năm 2022:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính đã được kiểm toán trong năm 2022 của Chip Sáng như sau:

Kết quả kinh doanh 2022 (hợp nhất)

Chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2022			Năm 2021	
	Kế hoạch	Thực hiện	So với KH (%)	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
Doanh thu	7.000.000.000	6.757.204.589	96,5	7.510.555.059	89,9
LNTT	4.300.000.000	5.786.294.161	134,6	5.396.710.961	107,2

Kết quả kinh doanh 2022 (riêng)

Chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2022			Năm 2021	
	Kế hoạch	Thực hiện	So với KH (%)	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
Doanh thu	7.000.000.000	6.757.204.589	96,5	7.510.555.059	89,9
LNTT	4.300.000.000	5.020.200.757	116,7	4.268.268.686	117,6
LNST		5.020.200.757		4.268.268.686	

Nhìn chung, năm 2022, tình hình vẫn còn khó khăn nhưng công ty vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận.

2.2 Quỹ thù lao của HĐQT và Ban KS

Quỹ thù lao được ĐHCĐ thường niên thông qua là 200 triệu. Mức chi thực tế trong năm 2022 là 100 triệu.

2.3 Đơn vị kiểm toán

Công ty kiểm toán được chọn là AASC, nằm trong danh sách 4 công ty kiểm toán đã được ĐHCĐ thông qua

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2023 và định hướng hoạt động

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2023:

(Đơn vị: tỷ đồng)

	Kế hoạch 2023
Tổng doanh thu	8,5
Lợi nhuận trước thuế	7,0

2. Định hướng hoạt động năm 2023:

Năm 2023, công ty tin tưởng sẽ đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận tốt nhất kể từ ngày thành lập công ty đến nay. Định hướng hoạt động trong năm 2023, sẽ bao gồm các nội dung chính như sau:

- (1) Quản lý tốt khai thác tòa nhà 253 để duy trì lợi nhuận trong 3 năm.
- (2) Quản lý tốt Liên doanh SCS để tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- (3) Thực hành tiết kiệm, bảo toàn vốn, khai thác tối ưu dòng tiền đang nắm giữ.
- (4) Tìm cơ hội đầu tư phù hợp với năng lực và nguồn lực của công ty.
- (5) Niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch UPCOM.

Kính thưa quý cổ đông

Công ty đã trải qua một thời gian dài hết sức khó khăn. Với sự lao động hiệu quả của Ban điều hành, sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị. Năm 2022, sẽ là năm cuối cùng chúng ta còn lỗ lũy kế.

Năm 2023, nếu đạt được kế hoạch, công ty sẽ bắt đầu có lợi nhuận và có quyền nghĩ đến cổ tức đầu tiên trong năm 2024.

Thay mặt HĐQT và Ban điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông đã đồng hành và gắn bó với công ty trong suốt thời gian dài khó khăn vừa qua. Đây chính là nguồn động viên để HĐQT và Ban điều hành nỗ lực hoàn thành trách nhiệm của mình. Mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông.

Kính chúc Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2023 thành công tốt đẹp.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

PHẠM NGỌC TUẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHIP SÁNG

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần Chip Sáng, Giám đốc xin báo cáo Quý Cổ đông kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2022

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) < Đ.vị: đồng >

Các chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2022 so với kế hoạch			Năm 2022 so với 2021	
	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So với kế hoạch (%)	Thực hiện năm 2021	So với 2021 (%)
Doanh thu thuần	7.000.000.000	6.757.204.589	96.53%	7.510.555.059	90,0 %
Lợi nhuận trước thuế	4.300.000.000	5.020.200.757	116.75%	4.268.268.686	117,6 %
Lợi nhuận sau thuế		5.020.200.757		4.268.268.686	117,6 %

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

< Đ.vị: đồng >

Các chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2022 so với kế hoạch			Năm 2022 so với 2021	
	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So với kế hoạch (%)	Thực hiện năm 2021	So với 2021 (%)
Doanh thu thuần	7.000.000.000	6.757.204.589	96.53 %	7.510.555.059	90,0 %
Lợi nhuận trước thuế	4.300.000.000	5.786.294.161	134.56 %	5.396.710.961	107,2 %
Lợi nhuận sau thuế		5.786.294.161		5.396.710.961	107,2 %

2. Tình hình hoạt động năm 2022.

Tình hình kinh doanh của năm 2022 khó khăn hơn nhiều so với năm 2021 do khách hàng trả lại mặt bằng vào tháng 10/2021, khách hàng mới lại không dám ký vì Hợp đồng hết hạn vào ngày 17/12/2022 .

Năm 2022, công ty lần thứ 4 đã nhận cổ tức từ Liên doanh SCS với mức cổ tức được chia thành 2 đợt: **đợt 1 là 2.5 tỷ đồng và đợt 2 là 3.333.750.000 đồng** nhận trong năm 2023, tổng cộng cổ tức cho năm 2022 trên vốn góp 26,25% là **5.833.750.000 đồng**

Năm 2022, công ty đã phải tốn rất nhiều công sức và thời gian để tìm khách thuê mới thay cho Công ty Cp ILIAT Toàn Cầu tại lầu 2 đã chuyển đi.

Công ty đã thỏa thuận và thuyết phục với khách hàng mới đầu tư sửa chữa lại lầu 2 với chi phí đầu tư khá để nâng tầm Tòa nhà.

Ngoài ra, do kinh tế khó khăn nên một số khách hàng khác (tầng trệt, lầu 3 và lầu 1) không đủ khả năng chi trả và cũng đã trả lại mặt bằng thuê trước hạn trong năm 2022.

Mặc dù trang thiết bị và cơ sở vật chất của tòa nhà đã xuống cấp trầm trọng nhưng với tinh thần tiết kiệm, Ban điều hành đã cố gắng khắc phục với chi phí tốt nhất để đảm bảo mức lợi nhuận và đáp ứng được những yêu cầu phục vụ tốt cho khách hàng.

Các hạng mục đã thực hiện trong năm 2022 và các hạng mục duy tu, bảo dưỡng cho việc khai thác, vận hành tòa nhà (Thang máy, chống thấm, lát gạch nền, sơn mặt tiền, đổ bê tông nhà để xe, trang trí lại mặt tiền đá, lắp đặt hệ thống PCCC,..) vẫn tiếp tục thực hiện nhằm cải tạo, nâng cấp để phục vụ cho khách thuê tốt hơn trong năm 2023.

Tính đến hết tháng 5 năm 2023, diện tích cho thuê đạt được tỷ lệ hơn 100 %.

Nhìn chung, tính đến hết năm 2022 đã giải quyết được một số vấn đề còn tồn đọng của các năm trước đây. Tình hình doanh thu trong năm 2023 dự báo sẽ tốt hơn và dòng tiền ngày càng ổn định và tốt hơn.

3. Các công ty con, công ty liên kết

3.1. Công ty Chíp Sáng – Ashmanov (CSA): đã tiếp tục làm thủ tục tạm ngưng hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023 sau khi tham khảo ý kiến tư vấn của Luật sư.

3.2. Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam (VSMC): đã không hoạt động từ nhiều năm nay và đã được HĐQT của Cty VSMC thu hồi con dấu.

3.3. Công ty liên doanh SCS, từ năm 2019 đã có lãi để chia cổ tức cho các Chủ đầu tư.

4. Dự án Keo tản nhiệt và dự án khác

4.1. Dự án Keo tản Nhiệt

Công ty đã chào hàng và đã thương mại hóa sản phẩm, tuy nhiên chất lượng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng của khách hàng. Trung tâm R&D đang tiếp tục hoàn thiện và sẽ chính thức cung ứng cho các công ty với số lượng lớn trong năm 2023.

Đây là định hướng công nghệ cao (công nghệ Nano) của Công ty.

4.2. Dự án thương mại khác (Cao cá sấu)

Sản phẩm có chất lượng, đây là dự án thử nghiệm về thương mại, quy mô nhỏ và đang cân nhắc việc mở rộng trên tinh thần thận trọng.

4.3. Dự án về đầu tư khác:

4.3.1. Dự án trồng mía Công nghệ Cao : Công ty đã tìm hiểu kỹ về dự án đầu tư trồng mía đường nông nghiệp công nghệ cao tại Campuchia nhưng sau khi tính toán dự án và xem xét có nhiều rủi ro nên Công ty quyết định không đầu tư.

4.3.2. Dự án sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm Kỹ thuật Y sinh (ĐH Quốc tế thuộc ĐHQGTP.HCM): Công ty cũng đã vài lần tiếp xúc và tìm hiểu.

4.3.3. Dự án khác (Y dược dân tộc _ Công nghệ Nano): thuốc trị bệnh và nhiều sản phẩm khác, Công ty Chíp Sáng hiện đang tìm hiểu về thị trường.

PHẦN THỨ HAI

BÁO CÁO KẾ HOẠCH NĂM 2023 & KẾT QUẢ THỰC HIỆN 05 THÁNG

1. Nhận định tình hình chung của năm 2023.

Sự xuất hiện của dịch Covid 19 đã gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam và công ty Chip Sáng cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Các khách thuê yêu cầu giảm giá thuê, ngưng hợp đồng thuê, dự án Keo tản nhiệt bị đình đốn. Liên doanh SCS cũng gặp những khó khăn tương tự.

Tuy nhiên, với nỗ lực vượt qua khó khăn. Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch kinh doanh trong năm 2023 của Chip Sáng như sau:

(Đvt : triệu đồng)

Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 5 tháng đầu 2023	Chiếm tỷ lệ (%)
<i>Doanh thu thuần</i>	8.500	3.324	39.1%
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	7.000	3.639	51.9%

2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch:

Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để đảm bảo an toàn, giảm thiểu rủi ro, thiệt hại cho công ty; đồng thời tìm các biện pháp phù hợp để hỗ trợ cho khách hàng cũng như đảm bảo kế hoạch 2022.

Các biện pháp đã được áp dụng như sau:

- Cắt giảm chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi tiêu.
- Tìm thêm khách hàng mới và vận động khách hàng tự đầu tư để giảm thiểu đầu tư của công ty Chíp-Sáng.
- Công ty cũng giảm giá thuê cho khách hàng để giữ khách.
- Tăng cường các dịch vụ và tiện ích, giá trị gia tăng để phục vụ khách.
- Tinh gọn bộ máy của công ty.
- Mỗi người phải thực hiện nhiều nhiệm vụ và hỗ trợ nhau.

3. Tình hình chung đến thời điểm hiện nay

- Đến tháng 05 năm 2022, Công ty Cp Chíp Sáng gặp rất nhiều khó khăn rất nhiều lần so với năm 2020 và năm 2021 do tình hình dịch bệnh COVID -19 bùng phát mạnh mẽ và thị trường ngưng trệ nên bị phong tỏa, cách ly kéo dài trên toàn quốc (gần 05 tháng liên tục). Tuy nhiên, Công Ty Cp Chíp Sáng luôn tìm ra các giải pháp khác nhằm tăng thu và giảm chi.
- Một vài khách hàng đã ngưng hoạt động và thanh lý hợp đồng.
- Khách hàng mới muốn thuê tiếp tục nhưng do thời hạn thuê mới còn; lại quá ngắn nên rất khó cho thuê tiếp tục để bù đắp thiếu hụt .
- Tuy nhiên, đến nay Công ty Cp Chíp Sáng đã cho thuê hơn 100 % diện tích và hy vọng sẽ đảm bảo được kế hoạch đề ra (nếu như không có tình trạng bất khả kháng xảy ra nữa).

4. Một số công việc khác:

- Đã làm các thủ tục cần thiết để đưa cổ phiếu Chíp-Sáng lên sàn UPCOM.
- Kết hợp với Trung tâm R&D hoàn thiện chất lượng keo tản nhiệt và các sản phẩm công nghệ cao khác nghiên cứu hoàn thiện để đưa ra thị trường.

KẾT LUẬN

1. Tình hình kinh doanh từ năm 2018 cho đến nay đã dần ổn định, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn cần phải vượt qua.
2. Tuy vậy Công ty Cp Chíp Sáng vẫn đảm bảo hoàn thành và vượt mức kế hoạch.
3. Tình hình tài chính đã tốt dần lên, tuy nhiên những khoản lỗ của nhiều năm trước đây vẫn chưa được bù đắp đủ để có điều kiện chia cổ tức cho cổ đông.
4. Trong năm 2023 vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng công ty sẽ nỗ lực hoàn thành kế hoạch nhằm bù được lỗ lũy kế và tạo ra lợi nhuận dương.
5. Đào tạo nâng cao năng lực nhân sự hiện hữu.

Trân trọng.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GIÁM ĐỐC**

ĐẶNG DUY HỢP

DỰ THẢO

CÔNG TY CP CHÍP SÁNG

Số: 01/2022/BC-BKS-CHIPSANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CP CHÍP SÁNG, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2022, hoạt động của Công ty cp Chíp Sáng được duy trì khá ổn định, trong đó vẫn chú trọng mảng hoạt động kinh doanh chính yếu là cho thuê bất động sản văn phòng, đồng thời tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

Thực hiện chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, quy chế hoạt động của công ty cổ phần, BKS trong năm qua đã nỗ lực hoàn thành các công việc như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty liên quan tới công tác kế toán, tài chính, hoạt động đầu tư; kiểm tra định kỳ Báo cáo kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên doanh liên kết; bám sát, kiểm tra chặt chẽ HĐQT và BDH trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm.

Thay mặt BKS, tôi xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên. Các Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát và các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Về tình hình tài chính của Công ty CP Chíp Sáng:

BKS thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2022.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2022 thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

a. Về kết quả kinh doanh hợp nhất:	
- Doanh thu thuần	6.757.204. 589 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	5.786.294.161 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	5.786.294.161 đồng

b. Về tài sản hợp nhất:	
- Tài sản ngắn hạn	12.369.837.459 đồng
- Tài sản dài hạn	55.832.821.164 đồng
- Tổng tài sản	68.202.658.623 đồng
c. Vốn chủ sở hữu:	65.134.986.536 đồng

Tổng kết: Năm 2022, doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Chíp Sáng đạt **6.757.204. 589** đồng, giảm 11% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt **5.786.294.161** đồng, tăng 7% so với năm 2021. Đây là kết quả khá tích cực trong bối cảnh thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng năng lượng, suy thoái kinh tế ở nhiều quốc gia do cuộc chiến tranh Nga-Ukraine gây ra.

3. Đánh giá việc tuân thủ Pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:

Trong năm 2021, BKS có nhiều cuộc họp với HĐQT và BĐH tại trụ sở trên tinh thần công hiến cho Công ty, chỉ nhận thù lao xăng xe 1 triệu đồng/người cho mỗi lần họp. BKS đã chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư, giới thiệu nhà đầu tư tiềm năng, góp ý với HĐQT và BĐH về hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Trường Ban Kiểm soát hỗ trợ Công ty bán 55 Bếp Điện Từ Gowell và một số thực phẩm chức năng mà công ty kinh doanh.
- Ban kiểm soát đề xuất, giới thiệu các cơ hội đầu tư tiềm năng như quản lý cho thuê bất động sản, các sản phẩm phòng cháy chữa cháy, viên nén gỗ xuất khẩu đi châu Âu.

Trong quá trình kiểm tra, rà soát, BKS đánh giá các hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty đều được triển khai một cách minh bạch, tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS ghi nhận không phát sinh rủi ro hay vi phạm nào trọng yếu, ảnh hưởng tới hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

4. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quản trị nội bộ, các giao dịch của bên liên quan:

Trong năm qua, BKS đã tích cực đẩy mạnh hoạt động kiểm tra kiểm soát, phối hợp với HĐQT và Ban Giám đốc theo sát việc ban hành và triển khai cũng như đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, BKS cũng đã tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty Chíp Sáng cũng như số liệu ở các đơn vị thành viên trong hệ thống, đảm bảo các hoạt động vận hành, kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Quy chế Quản trị của Công ty, góp phần giảm thiểu hạn chế rủi ro và hỗ trợ cho hoạt động phát triển kinh doanh. Trong năm 2021, BKS đã triển khai thực hiện các công việc sau:

- Chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư, giới thiệu nhà đầu tư chiến lược tiềm năng cho Cty;
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;

- Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận của Công ty;
- Thẩm tra Báo cáo kinh doanh và chi phí hàng quý, Báo cáo tài chính năm để đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty mẹ và các công ty thành viên theo các quy định của pháp luật;
- Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên với các bên liên quan.

5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

- Từ năm 2017 đến nay, các thành viên BKS không nhận thù lao cố định để tiết kiệm tiền cho công ty. Hiện các thành viên BKS chỉ nhận khoản hỗ trợ xăng xe khi có dự họp HĐQT và BDH, tức 1 triệu đồng/người.
- Trong năm 2022, mỗi thành viên BKS được nhận khoản thù lao sau thuế 3,6 triệu đồng/người chi trả vào đầu 2023.

6. Nhận xét về Ban điều hành:

- Ban điều hành (BDH) đã thực hiện tốt việc cắt giảm chi phí hoạt động, duy trì HĐKD cho thuê văn phòng ổn định tại tòa nhà 253 ĐBP và tòa nhà Sacom-Chipsang, góp phần làm giảm lỗ lũy kế. Hiện Chíp Sáng đã có dòng tiền dương, có thể tham gia các hoạt động kinh doanh khác ngoài lĩnh vực chính là cho thuê văn phòng.
- Ban điều hành tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao.
- Các Nghị Quyết của ĐHĐCĐ đều được BDH nghiêm túc thực hiện; mọi giao dịch trọng yếu về chi phí, doanh thu, lãi vốn đều được kiểm soát chặt chẽ.
- Cơ cấu nhân sự HĐQT, BGD, BKS giai đoạn này đã đáp ứng được yêu cầu ổn định hoạt động tại công ty. Tuy nhiên, lực lượng nhân sự trong công ty còn khá mỏng, đội ngũ kế toán còn non trẻ mới ra trường nên có thể không đáp ứng được khối lượng công việc của công ty trong tương lai
- Để vận hành và kiểm soát tốt hơn, công ty cần có quy chế về đầu tư và kinh doanh để Ban điều hành có cơ sở ra các quyết định hiệu quả, kịp thời, linh động.

6. Kết luận:

Năm 2022, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động của Công ty Chíp Sáng, BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra tiến độ đóng các đơn vị hoạt động không hiệu quả, kiểm tra việc thu hồi vốn đầu tư từ công ty liên doanh liên kết, tư vấn các giải pháp tìm hướng đi cốt lõi cho hoạt động kinh doanh của Chíp Sáng, giám sát việc tuân thủ của Chíp Sáng lên sàn Upcom, cụ thể:

- Tư vấn và đề xuất với HĐQT, Ban Giám đốc các biện pháp cải tổ HĐQT, BGĐ, BKS nhằm tìm được những người có tâm đức, có năng lực giúp Chíp Sáng tìm được hướng đi cốt lõi cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông.
- Tích cực nghiên cứu, tư vấn và đề xuất với HĐQT, Ban Giám đốc các lĩnh vực hoạt động kinh doanh khác bên cạnh lĩnh vực chính cho thuê văn phòng.
- Tăng cường công tác giám sát tính tuân thủ các quy định, quy chế trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty Chíp Sáng và các đơn vị thành viên.
- Định kỳ kiểm tra việc hạch toán, lập Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên có doanh thu và chi phí chiếm tỷ trọng lớn.
- Hỗ trợ tích cực BGĐ nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục pháp lý đưa Chíp Sáng lên sàn Upcom.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Nhân dịp này, thay mặt BKS, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, HĐQT và BGĐ Công ty Cổ phần Chíp Sáng lời chúc sức khỏe.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu Văn phòng Cty CS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban Kiểm soát

Lê Thị Anh Đào

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội.

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG
Số: 01/2023/TTr-ĐHCD-CS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 01

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ Phần Chíp Sáng (đính kèm), đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Báo cáo tài chính riêng năm 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã được công bố thông tin theo qui định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty Cổ Phần Chíp Sáng (www.chipsang.vn), bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán độc lập năm 2022.
2. Bảng cân đối kế toán năm 2022.
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022.
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2022.
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

PHẠM NGỌC TUẤN

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 02

V/v: (Lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ Phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty lựa chọn 1 trong 4 công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
3. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía nam (AASCS)
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
5. Công Ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Đơn vị kiểm toán độc lập được chọn phải có tên trong danh sách các Công ty Kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép và thỏa mãn các yêu cầu của Công ty Cổ Phần Chíp Sáng về nguồn lực tốt để hoàn thành công việc đúng hạn với chi phí hợp lý nhất. Kính trình Đại hội Cổ đông giao cho HĐQT xem xét và quyết định.

Hội đồng quản trị công ty kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

PHẠM NGỌC TUẤN

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 03

V/v (Thông qua Kết quả kinh doanh năm 2022 và tỷ lệ trích quỹ phúc lợi năm 2022)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ Phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021.
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.
- Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo Kết quả Kinh doanh năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC và Thông qua Tỷ lệ trích quỹ phúc lợi năm 2022:

1. Báo cáo Kết quả Kinh doanh năm 2022:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TĂNG/ GIẢM (So với kế hoạch)
1	Doanh thu:	7.000.000.000	6.757.204.589	96,53%
2	Lợi nhuận trước thuế:	4.300.000.000	5.786.294.161	134,6%

2. Tỷ lệ trích quỹ phúc lợi năm 2022: Là 3% trên lợi nhuận trước thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

PHẠM NGỌC TUẤN

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 04

V/v (Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 và Trích quỹ phúc lợi năm 2022. Phần vượt kế hoạch lợi nhuận và Quỹ phúc lợi cho năm 2023)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ Phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Công ty CP Chíp Sáng, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023; Trích tỷ lệ khen thưởng cho phần vượt kế hoạch lợi nhuận và Quỹ phúc lợi cho năm 2023 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kế hoạch năm 2023:

(Đvt: Đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% KH 2023 so với TH 2022
1	Doanh thu thuần	6.757.204.589	8.500.000.000	125.7%
2	Lợi nhuận trước thuế	5.786.294.161	7.000.000.000	121%

2. Trích tỷ lệ khen thưởng cho phần vượt kế hoạch lợi nhuận và Quỹ phúc lợi năm 2023:

- Trích thưởng vượt kế hoạch 10% trên phần vượt của lợi nhuận sau thuế năm 2023. Phần thưởng này cho tất cả các thành viên có đóng góp cho Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 là 3% trên lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

PHẠM NGỌC TUẤN

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 05

(V/v Thông qua Quỹ thù lao của HĐQT – Ban Kiểm Soát và Thư ký HĐQT năm 2023 và năm 2024)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ Phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021;

Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế của Công ty CP Chíp Sáng, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quỹ thù lao của HĐQT – Ban Kiểm Soát và Thư ký HĐQT năm 2023 như sau:

Mức đề xuất Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Năm 2023 và Năm 2024 là: **200.000.000 đồng** (Viết bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

PHẠM NGỌC TUẤN

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 06

Vv: làm thủ tục phá sản công ty TNHH Chíp Sáng Asmanov (CSA)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực ngày 01/01/2021.
- Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 24/02/2023.
- Điều lệ Công ty Cổ Phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Cổ đông xem xét, thông qua việc thực hiện thủ tục giải thể Công ty CSA trong năm 2023.

Công ty TNHH Chíp Sáng – Ashmanov (CSA) là Công ty con của Công ty Cổ phần Chíp Sáng đã tạm ngưng hoạt động từ ngày 01/01/2020 cho đến nay nhưng chưa giải thể làm ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Hội đồng Quản trị kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

PHẠM NGỌC TUẤN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

02 - 03

Báo cáo kiểm toán độc lập

04 - 05

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

06 - 31

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

06 - 07

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

08

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

09

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 18 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Duy Hợp	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Trung Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Thái Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
------------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên
Ông Tuấn Lộc Louis	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

- Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Thay mặt Ban Giám đốc



Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh số 1, trong đó trình bày về việc khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản d, Điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom), theo đó Công ty phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa hoàn tất các thủ tục theo quy định để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.369.837.459	8.272.565.765
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	444.353.786	2.659.577.374
111	1. Tiền		292.975.796	259.577.374
112	2. Các khoản tương đương tiền		151.377.990	2.400.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.109.662.834	4.972.432.648
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.109.662.834	4.972.432.648
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		534.466.694	192.380.882
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.719.465.724	2.701.785.822
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		61.025.090	52.317.590
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.760.000.000	1.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.428.993.644	2.113.295.234
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.435.017.764)	(6.435.017.764)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.355.341	21.020.322
141	1. Hàng tồn kho		1.108.192.287	1.198.402.663
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.105.836.946)	(1.177.382.341)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		278.998.804	427.154.539
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	30.694.485	152.539.233
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		166.997.225	197.308.212
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	81.307.094	77.307.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		55.832.821.164	53.893.552.899
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		922.187.970	922.187.970
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	922.187.970	922.187.970
220	II. Tài sản cố định		742.491.640	827.347.816
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		709.460.084	709.460.084
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(709.460.084)	(709.460.084)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	742.491.640	827.347.816
228	- Nguyên giá		1.669.867.451	1.669.867.451
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(927.375.811)	(842.519.635)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	53.917.377.863	51.861.075.328
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		57.864.377.863	57.013.075.328
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.805.000.000	5.600.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		250.763.691	282.941.785
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	250.763.691	282.941.785
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		68.202.658.623	62.166.118.664

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.067.672.087	2.817.426.289
310	I. Nợ ngắn hạn		1.919.044.497	1.790.767.005
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	511.470.603	524.828.778
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		66.485.102	63.126.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	368.613.498	358.766.915
314	4. Phải trả người lao động		265.336.230	126.470.060
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	109.644.222	77.087.498
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	22.870.968	34.230.645
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	547.127.834	578.760.261
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.496.040	27.496.040
330	II. Nợ dài hạn		1.148.627.590	1.026.659.284
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.148.627.590	1.026.659.284
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		65.134.986.536	59.348.692.375
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	65.134.986.536	59.348.692.375
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.367.472.543)	(10.172.710.608)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(10.172.710.608)	(15.588.465.629)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		5.805.238.065	5.415.755.021
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(460.565.024)	(441.621.120)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		68.202.658.623	62.166.118.664

Vũ Việt Hương

Người lập

Vũ Việt Hương

Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	6.757.204.589	7.510.555.059
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.757.204.589	7.510.555.059
11	4. Giá vốn hàng bán	21	6.195.464.248	5.830.481.014
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		561.740.341	1.680.074.045
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.107.697.847	3.967.656.249
22	7. Chi phí tài chính		154	1.769.414
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		851.302.535	1.214.110.561
25	9. Chi phí bán hàng		13.073.650	1.640.001
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1.665.869.728	1.382.613.031
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.841.797.191	5.475.818.409
31	12. Thu nhập khác	24	29.378.613	5.751.353
32	13. Chi phí khác	25	84.881.643	84.858.801
40	14. Lợi nhuận khác		(55.503.030)	(79.107.448)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.786.294.161	5.396.710.961
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.786.294.161	5.396.710.961
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		5.805.238.065	5.415.755.021
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(18.943.904)	(19.044.060)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	840	783

Vũ Việt Hương

Người lập

Vũ Việt Hương

Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.786.294.161	5.396.710.961
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		84.856.176	84.856.176
03	- Các khoản dự phòng		(71.545.395)	119.888.705
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(204.214)	113.853
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.958.796.168)	(5.181.766.810)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.159.395.440)	419.802.885
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.184.665)	710.130.863
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		90.210.376	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		250.245.798	(591.611.072)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		154.022.842	(367.204.397)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(673.101.089)	171.118.279
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.347.230.186)	(5.600.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.005.000.000	2.973.842.680
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.799.903.473	4.550.214.109
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.542.326.713)	1.924.056.789
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.215.427.802)	2.095.175.068
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.659.577.374	564.516.159
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		204.214	(113.853)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	444.353.786	2.659.577.374

Vũ Việt Hương

Người lập

Vũ Việt Hương

Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 18 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 04 người (tại ngày 01/01/2022 là: 03 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Lý do: Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thụ được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam, do công ty đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể nên khoản đầu tư vào công ty này vẫn được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Chuyển giao công nghệ	03 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm ;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 02 năm .

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác chi phí lãi tiền điện, tiền nước phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối
Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	19.002.799	21.654.965
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	273.972.997	237.922.409
Các khoản tương đương tiền (*)	151.377.990	2.400.000.000
	444.353.786	2.659.577.374

(*) Tại 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 151.377.990 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, với lãi suất 4,6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	11.109.662.834	-	4.972.432.648	-
Đầu tư dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (2)	5.705.000.000	-	5.600.000.000	-
- Trái phiếu (3)	1.100.000.000	-	-	-
	17.914.662.834	-	10.572.432.648	-

(1) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 11.109.662.834 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 9,5%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng có giá trị 5.705.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 với lãi suất từ 5,3%/năm đến 11%/năm.

(3) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 56/DN/VIG-DIS HCM/BOND.TPS.2020.04 ngày 23/06/2022; với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong
- Số lượng: 10.940 Trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/Trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/08/2020;
- Ngày đáo hạn: 31/08/2023;
- Lãi suất: 9,2%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.100.000.000 VND;

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2022			01/01/2022					
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	
Công ty TNHH Sacom- Chíp Sáng	Tp. Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	VND	Tp. Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	VND	
				47.112.377.863				46.261.075.328	
				<u>47.112.377.863</u>				<u>46.261.075.328</u>	
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam (*)				31/12/2022		01/01/2022			
				Giá gốc		Giá gốc			Dự phòng
				VND		VND			VND
				10.752.000.000		(10.752.000.000)			(10.752.000.000)
				<u>10.752.000.000</u>		<u>(10.752.000.000)</u>			<u>(10.752.000.000)</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 30 .

(*) Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể tuy nhiên các thủ tục giải thể chưa hoàn tất.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
Bên khác	404.337.473	(339.073.848)	386.657.571	(425.156.919)
Công ty CP TM Điện tử Lingo	44.083.051	(44.083.051)	44.083.051	(44.083.051)
Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	(42.000.020)	42.000.020	(42.000.020)
Phải thu khách hàng khác	318.254.402	(252.990.777)	300.574.500	(339.073.848)
	2.719.465.724	(2.654.202.099)	2.701.785.822	(2.740.285.170)

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	342.848.698	-	35.258.538	-
Phải thu người lao động	852.426.332	(852.426.332)	852.426.332	(852.426.332)
Tạm ứng	12.000.000	(500.000)	1.600.000	(500.000)
Ký cược, ký quỹ	2.910.000	-	2.910.000	-
Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Phải thu khác	939.235.281	(888.316.000)	941.527.031	(888.316.000)
	2.428.993.644	(2.020.815.665)	2.113.295.234	(2.020.815.665)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty Cổ phần	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Bán dẫn Việt Nam				
Bên khác	1.567.093.644	(1.158.915.665)	1.251.395.234	(1.167.889.333)
Phải thu ngân hàng	67.007.858	-	35.258.538	-
về lãi dự thu				
Công ty Cổ phần	275.840.840	-	-	-
Chứng khoán Bảo				
Việt				
Phải thu Thuế nhà	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
thầu nước ngoài				
Hứa Công Nghiệp	318.061.485	(318.061.485)	318.061.485	(318.061.485)
Trần Thị Thanh	260.565.691	(260.565.691)	260.565.691	(260.565.691)
Phuong				
Phải thu khác	366.044.437	(300.715.156)	357.936.187	(309.688.824)
	<u>2.428.993.644</u>	<u>(2.020.815.665)</u>	<u>2.113.295.234</u>	<u>(2.029.789.333)</u>
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	922.187.970	-	922.187.970	-
	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	4.500.000	-	4.500.000	-
Công ty TNHH	4.500.000	-	4.500.000	-
Sacom - Chíp Sáng				
Bên khác	917.687.970	-	917.687.970	-
Công ty Cổ phần	917.687.970	-	917.687.970	-
Đầu tư Phát triển				
Sài Gòn Coop				
	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
- Tiền thuê nhà thầu phải thu Ashmanov & Partners JSC	279.573.333	-	279.573.333	-
- Các khoản khác	1.218.416.180	-	1.218.416.180	-
	<u>6.435.017.764</u>	<u>-</u>	<u>6.435.017.764</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.995.341	-	934.091	-
Hàng hoá	1.086.110.715	(1.085.750.715)	1.177.382.341	(1.177.382.341)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	(20.086.231)	20.086.231	-
	<u>1.108.192.287</u>	<u>(1.105.836.946)</u>	<u>1.198.402.663</u>	<u>(1.177.382.341)</u>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2022 là 709.460.084 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chuyển giao công nghệ	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.612.267.451	57.600.000	1.669.867.451
Số dư cuối kỳ	<u>1.612.267.451</u>	<u>57.600.000</u>	<u>1.669.867.451</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	784.919.635	57.600.000	842.519.635
- Khấu hao trong kỳ	84.856.176	-	84.856.176
Số dư cuối kỳ	<u>869.775.811</u>	<u>57.600.000</u>	<u>927.375.811</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	827.347.816	-	827.347.816
Tại ngày cuối kỳ	<u>742.491.640</u>	<u>-</u>	<u>742.491.640</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.600.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	11.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.694.485	141.539.233
	<u>30.694.485</u>	<u>152.539.233</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	235.794.816	275.609.825
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.968.875	7.331.960
	<u>250.763.691</u>	<u>282.941.785</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	nợ
a) Bên khác				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hòa	24.300.000	24.300.000	24.750.000	24.750.000
Phải trả các đối tượng khác	61.453.196	61.453.196	74.361.371	74.361.371
	<u>511.470.603</u>	<u>511.470.603</u>	<u>524.828.778</u>	<u>524.828.778</u>
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
	<u>425.717.407</u>	<u>425.717.407</u>	<u>425.717.407</u>	<u>425.717.407</u>

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty Cổ phần Chíp Sáng
 Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		-		-		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.307.094		-		-		-		77.307.094		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		8.389.109		11.872.109		2.025.526		-		18.235.692	
Các loại thuế khác	-		350.377.806		4.024.362		8.024.362		4.000.000		350.377.806	
	<u>77.307.094</u>		<u>358.766.915</u>		<u>15.896.471</u>		<u>10.049.888</u>		<u>81.307.094</u>		<u>368.613.498</u>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện, nước	49.298.058	34.993.752
Trích trước chi phí bảo trì, bảo dưỡng	-	800.000
Chi phí phải trả khác	60.346.164	41.293.746
	<u>109.644.222</u>	<u>77.087.498</u>



Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	22.870.968	34.230.645
	22.870.968	34.230.645

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	19.989.000	19.989.000
- Kinh phí công đoàn	4.595.842	3.875.956
- Bảo hiểm xã hội	6.361.065	6.349.365
- Bảo hiểm y tế	4.068.874	4.066.274
- Bảo hiểm thất nghiệp	173.497.600	205.249.213
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	55.800.353	56.415.353
	547.127.834	578.760.261
b) Dài hạn	1.148.627.590	1.026.659.284
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.148.627.590	1.026.659.284
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(15.588.465.629)	(422.577.060)	53.951.981.414
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5.415.755.021	(19.044.060)	5.396.710.961
Số dư cuối năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(10.172.710.608)	(441.621.120)	59.348.692.375
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(10.172.710.608)	(441.621.120)	59.348.692.375
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	5.805.238.065	(18.943.904)	5.786.294.161
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(4.367.472.543)	(460.565.024)	65.134.986.536

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	9.880.440.000	12,31	9.880.440.000	12,31
Các cổ đông khác	59.269.750.000	73,82	59.269.750.000	73,82
Cổ phiếu quỹ	11.140.610.000	13,87	11.140.610.000	13,87
	80.290.800.000	100	80.290.800.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối kỳ	80.290.800.000	80.290.800.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	282.815.100	282.815.100

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- Cổ phiếu phổ thông	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.114.061	1.114.061
- Cổ phiếu phổ thông	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- Cổ phiếu phổ thông	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	438.834.103	438.834.103

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op (xem thông tin tại mục b thuyết minh này) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.533.371.030	7.510.524.019
	5.533.371.030	7.510.524.019

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op theo hợp đồng 03/HĐ-SCID/2018 ngày 18/12/2018 và Phụ lục số 01/2022 ngày 30/09/2022. Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.756.406.360	5.005.570.745
- Trên 1 năm đến 5 năm	11.512.812.720	-
	17.269.219.080	5.005.570.745

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	275,04	288,24

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.667.410.145	7.510.555.059
Doanh thu bán hàng hóa	89.794.444	-
	6.757.204.589	7.510.555.059

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.173.147.183	5.830.481.014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	93.862.460	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(71.545.395)	-
	6.195.464.248	5.830.481.014

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	988.743.633	581.406.249
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.118.750.000	3.386.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	204.214	-
	6.107.697.847	3.967.656.249
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan	5.118.750.000	3.386.250.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)</i>		

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.556.544	31.633.864
Chi phí nhân công	880.219.868	686.881.588
Thuế, phí, lệ phí	4.669.399	4.222.222
Chi phí dự phòng	-	119.888.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	760.378.415	539.986.652
Chi phí khác bằng tiền	1.045.502	-
	1.665.869.728	1.382.613.031
Trong đó: Chi phí Quản lý DN mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	17.850.000	16.650.000

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ chương trình khuyến mãi được hưởng	15.656.250	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	727.273	-
Thu nhập khác	12.995.090	5.751.353
	29.378.613	5.751.353

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	84.856.176	84.856.176
Chi phí khác	25.467	2.625
	84.881.643	84.858.801

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.805.238.065	5.415.755.021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.805.238.065	5.415.755.021
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.915.019	6.915.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	840	783

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.598.746	82.751.112
Chi phí nhân công	884.474.868	686.881.588
Chi phí dự phòng	-	119.888.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.553.410.180	1.380.835.091
Chi phí khác bằng tiền	5.382.606.767	4.944.377.550
	7.852.090.561	7.214.734.046

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của trái phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư dài hạn	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000
	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	444.353.786	-	-	444.353.786
Phải thu khách hàng, phải thu khác	473.441.604	922.187.970	-	1.395.629.574
Các khoản cho vay	11.109.662.834	6.805.000.000	-	17.914.662.834
	<u>12.027.458.224</u>	<u>7.727.187.970</u>	<u>-</u>	<u>19.754.646.194</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.659.577.374	-	-	2.659.577.374
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.980.221	922.187.970	-	976.168.191
Các khoản cho vay	4.972.432.648	5.600.000.000	-	10.572.432.648
	<u>7.685.990.243</u>	<u>6.522.187.970</u>	<u>-</u>	<u>14.208.178.213</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.058.598.437	1.148.627.590	-	2.207.226.027
Chi phí phải trả	109.644.222	-	-	109.644.222
	<u>1.168.242.659</u>	<u>1.148.627.590</u>	<u>-</u>	<u>2.316.870.249</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.103.589.039	1.026.659.284	-	2.130.248.323
Chi phí phải trả	77.087.498	-	-	77.087.498
	<u>1.180.676.537</u>	<u>1.026.659.284</u>	<u>-</u>	<u>2.207.335.821</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.850.000	16.650.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	17.850.000	16.650.000
Cổ tức được chia	5.118.750.000	3.386.250.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	5.118.750.000	3.386.250.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của người quản lý chủ chốt	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc/TV HĐQT	316.647.168	270.760.536
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	13.000.000	-
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
Ông Vũ Thái Hà	Thành viên HĐQT	15.000.000	-
Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban BKS	8.000.000	-
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên BKS	7.000.000	-
Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS	10.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Vũ Việt Hương

Người lập

Vũ Việt Hương

Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

02 - 03

Báo cáo kiểm toán độc lập

04 - 05

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

06 - 31

Bảng cân đối kế toán riêng

06 - 07

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

08

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

09

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 18 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Duy Hợp	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Trung Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Thái Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
------------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên
Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường

Thay mặt Ban Giám đốc



Đặng Duy Hợp

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản d, Điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom), theo đó Công ty phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa hoàn tất các thủ tục theo quy định để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.150.056.235	8.052.422.976
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	420.778.953	2.635.640.976
111	1. Tiền		269.400.963	235.640.976
112	2. Các khoản tương đương tiền		151.377.990	2.400.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	11.109.662.834	4.972.432.648
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.109.662.834	4.972.432.648
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		479.192.323	137.106.511
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.928.163.746	2.910.483.844
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		54.270.000	45.562.500
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	3.560.000.000	3.560.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.190.401.030	1.874.702.620
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.253.642.453)	(8.253.642.453)
140	IV. Hàng tồn kho	09	2.355.341	21.020.322
141	1. Hàng tồn kho		1.108.192.287	1.198.402.663
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.105.836.946)	(1.177.382.341)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		138.066.784	286.222.519
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	30.694.485	152.539.233
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.065.205	56.376.192
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	81.307.094	77.307.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		49.977.951.661	48.805.138.365
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		922.187.970	922.187.970
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	922.187.970	922.187.970
220	II. Tài sản cố định		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		188.882.984	188.882.984
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.882.984)	(188.882.984)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		57.600.000	57.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.600.000)	(57.600.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	48.805.000.000	47.600.008.610
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.796.340.000	8.796.340.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		52.752.000.000	52.752.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.548.340.000)	(19.548.331.390)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.805.000.000	5.600.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		250.763.691	282.941.785
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	250.763.691	282.941.785
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>62.128.007.896</u>	<u>56.857.561.341</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.132.286.258	1.882.040.460
310	I. Nợ ngắn hạn		983.658.668	855.381.176
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	67.674.796	81.032.971
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.358.294	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	15.939.637	6.093.054
314	4. Phải trả người lao động		265.336.230	126.470.060
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	109.644.222	77.087.498
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	22.870.968	34.230.645
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	471.338.481	502.970.908
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		27.496.040	27.496.040
330	II. Nợ dài hạn		1.148.627.590	1.026.659.284
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.148.627.590	1.026.659.284
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		59.995.721.638	54.975.520.881
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	59.995.721.638	54.975.520.881
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.967.302.465)	(14.987.503.222)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(14.987.503.222)	(19.255.771.908)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		5.020.200.757	4.268.268.686
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		62.128.007.896	56.857.561.341

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	6.757.204.589	7.510.555.059
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.757.204.589	7.510.555.059
11	4. Giá vốn hàng bán	21	6.195.464.248	5.830.481.014
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		561.740.341	1.680.074.045
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.107.487.628	3.967.652.162
22	7. Chi phí tài chính		8.610	1.652.900
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	13.073.650	1.640.001
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	1.665.298.098	1.381.913.348
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.990.847.611	4.262.519.958
31	11. Thu nhập khác	25	29.378.613	5.751.353
32	12. Chi phí khác		25.467	2.625
40	13. Lợi nhuận khác		29.353.146	5.748.728
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.020.200.757	4.268.268.686
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.020.200.757	4.268.268.686

[Signature]
Vũ Việt Hương
Người lập

[Signature]
Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

[Signature]
Đặng Duy Hợp

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.020.200.757	4.268.268.686
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Các khoản dự phòng		(71.536.785)	119.888.705
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.107.487.628)	(3.967.652.162)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.158.823.656)	420.505.229
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.184.665)	710.130.863
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		90.210.376	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		250.245.798	(591.611.072)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		154.022.842	(367.204.397)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(672.529.305)	171.820.623
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.347.230.186)	(5.600.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.005.000.000	2.973.842.680
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.799.897.468	4.550.210.022
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.542.332.718)	1.924.052.702
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.214.862.023)	2.095.873.325
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.635.640.976	539.767.651
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	420.778.953	2.635.640.976



Vũ Việt Hương
 Người lập

Vũ Việt Hương
 Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 18 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 04 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 03 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu ... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 10 - 20 năm |
| - Phần mềm quản lý | 05 năm |

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí tiền điện, tiền nước phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	3.429.182	6.081.348
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	265.971.781	229.559.628
Các khoản tương đương tiền (*)	151.377.990	2.400.000.000
	420.778.953	2.635.640.976

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 151.377.990 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,6%/năm .

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	11.109.662.834	-	4.972.432.648	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	11.109.662.834	-	4.972.432.648	-
Đầu tư dài hạn	6.805.000.000	-	5.600.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	5.705.000.000	-	5.600.000.000	-
- Trái phiếu ⁽³⁾	1.100.000.000	-	-	-
	17.914.662.834	-	10.572.432.648	-

(1) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 11.109.662.834 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 9,5%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng có giá trị 5.705.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 với lãi suất từ 5,3%/năm đến 11%/năm.

(3) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 56/DN/VIG-DIS HCM/BOND.TPS.2020.04 ngày 23/06/2022; với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong
- Số lượng: 10.940 Trái Phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/Trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/08/2020;
- Ngày đáo hạn: 31/08/2023;
- Lãi suất : 9,2%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.100.000.000 VND;

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
	VND	VND		VND	VND	
Đầu tư vào Công ty con	8.796.340.000	(8.796.340.000)		8.796.340.000	(8.796.331.390)	
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (1)	8.796.340.000	(8.796.340.000)	77,77	8.796.340.000	(8.796.331.390)	77,77
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	52.752.000.000	(10.752.000.000)		52.752.000.000	(10.752.000.000)	
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	42.000.000.000	-	26,25	42.000.000.000	-	26,25
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam (2)	10.752.000.000	(10.752.000.000)	38,00	10.752.000.000	(10.752.000.000)	38,00
	<u>61.548.340.000</u>	<u>(19.548.340.000)</u>		<u>61.548.340.000</u>	<u>(19.548.331.390)</u>	

(1) Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov đang trong tạm ngừng kinh doanh chỉ duy trì hoạt động của bộ phận quản lý.

(2) Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể tuy nhiên các thủ tục giải thể chưa hoàn tất.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 30.

Đầu tư vào đơn vị khác: Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>2.523.826.273</i>	<i>(2.523.826.273)</i>	<i>2.523.826.273</i>	<i>(2.523.826.273)</i>
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	208.698.022	(208.698.022)	208.698.022	(208.698.022)
<i>Bên khác</i>	<i>404.337.473</i>	<i>(339.073.848)</i>	<i>386.657.571</i>	<i>(339.073.848)</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	(44.083.051)	44.083.051	(44.083.051)
Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	(42.000.020)	42.000.020	(42.000.020)
Các khách hàng khác	318.254.402	(252.990.777)	300.574.500	(252.990.777)
	<u>2.928.163.746</u>	<u>(2.862.900.121)</u>	<u>2.910.483.844</u>	<u>(2.862.900.121)</u>

Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

19

Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

		31/12/2022		01/01/2022	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	Ngắn hạn				
a.1)	Chi tiết theo nội dung				
	Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	342.848.698	-	35.258.538	-
	Tạm ứng	10.400.000	-	-	-
	Ký cược, ký quỹ	2.910.000	-	2.910.000	-
	Phải thu người lao động đã nghỉ	852.426.332	(852.426.332)	852.426.332	(852.426.332)
	Phải thu khác	981.816.000	(978.316.000)	984.107.750	(978.316.000)
		<u>2.190.401.030</u>	<u>(1.830.742.332)</u>	<u>1.874.702.620</u>	<u>(1.830.742.332)</u>
a.2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Bên liên quan	951.900.000	(951.900.000)	951.900.000	(951.900.000)
	Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
	Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	90.000.000	(90.000.000)	90.000.000	(90.000.000)
	Bên khác	1.238.501.030	(878.842.332)	922.802.620	(878.842.332)
	Phải thu ngân hàng về lãi dự thu	67.007.858	-	35.258.538	-
	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	275.840.840	-	-	-
	Hứa Công Nghiệp	318.061.485	(318.061.485)	318.061.485	(318.061.485)
	Trần Thị Thanh Phương	260.565.691	(260.565.691)	260.565.691	(260.565.691)
	Khác	317.025.156	(300.215.156)	308.916.906	(300.215.156)
		<u>2.190.401.030</u>	<u>(1.830.742.332)</u>	<u>1.874.702.620</u>	<u>(1.830.742.332)</u>

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	922.187.970	-	922.187.970	-
	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	4.500.000	-	4.500.000	-
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.500.000	-	4.500.000	-
Bên khác	917.687.970	-	917.687.970	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop	917.687.970	-	917.687.970	-
	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>	<u>922.187.970</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
- Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	2.098.698.022	-	2.098.698.022	-
- Các khoản khác	1.217.916.180	-	1.217.916.180	-
	<u>8.253.642.453</u>	<u>-</u>	<u>8.253.642.453</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.995.341	-	934.091	-
Hàng hoá	1.086.110.715	(1.085.750.715)	1.177.382.341	(1.177.382.341)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	(20.086.231)	20.086.231	-
	<u>1.108.192.287</u>	<u>(1.105.836.946)</u>	<u>1.198.402.663</u>	<u>(1.177.382.341)</u>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 188.882.984 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại 31/12/2022 là 57.600.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	11.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	30.694.485	141.539.233
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		
	30.694.485	152.539.233
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	235.794.816	275.609.825
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.968.875	7.331.960
	250.763.691	282.941.785

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hòa Sơn	24.300.000	24.300.000	24.750.000	24.750.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương	10.735.200	10.735.200	9.030.076	9.030.076
Phải trả người bán khác	32.639.596	32.639.596	47.252.895	47.252.895
	67.674.796	67.674.796	81.032.971	81.032.971

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.307.094	-	-	-	77.307.094	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.093.054	11.872.109	2.025.526	-	15.939.637
Các loại thuế khác	-	-	4.024.362	8.024.362	4.000.000	-
	77.307.094	6.093.054	15.896.471	10.049.888	81.307.094	15.939.637

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện, nước	49.298.058	34.993.752
Trích trước chi phí bảo trì, bảo dưỡng	-	800.000
Chi phí phải trả khác	60.346.164	41.293.746
	109.644.222	77.087.498

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	22.870.968	34.230.645
	22.870.968	34.230.645

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	4.595.842	3.875.956
- Bảo hiểm y tế	6.361.065	6.349.365
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.068.874	4.066.274
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	173.497.600	205.249.213
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	615.000
	471.338.481	502.970.908
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.148.627.590	1.026.659.284
	1.148.627.590	1.026.659.284
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
	282.815.100	282.815.100

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(19.255.771.908)	50.707.252.195
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	4.268.268.686	4.268.268.686
Số dư cuối kỳ trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(14.987.503.222)	54.975.520.881
Số dư đầu kỳ này	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(14.987.503.222)	54.975.520.881
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	5.020.200.757	5.020.200.757
Số dư cuối kỳ này	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(9.967.302.465)	59.995.721.638

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	9.880.440.000	12,31	9.880.440.000	12,31
Các cổ đông khác	59.269.750.000	73,82	59.269.750.000	73,82
Cổ phiếu quỹ	11.140.610.000	13,87	11.140.610.000	13,87
	80.290.800.000	100	80.290.800.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối kỳ	<u>80.290.800.000</u>	<u>80.290.800.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>282.815.100</u>	<u>282.815.100</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.114.061	1.114.061
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- Cổ phiếu phổ thông		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	<u>438.834.103</u>	<u>438.834.103</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op (xem thông tin tại mục b thuyết minh này) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.533.371.030	7.510.524.019

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op theo hợp đồng 03/HĐ-SCID/2018 ngày 18/12/2018 và Phụ lục số 01/2022 ngày 30/09/2022. Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.756.406.360	5.005.570.745
- Trên 1 năm đến 5 năm	11.512.812.720	-

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	89.794.444	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.667.410.145	7.510.555.059
	6.757.204.589	7.510.555.059

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	93.862.460	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.173.147.183	5.830.481.014
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(71.545.395)	-
	6.195.464.248	5.830.481.014

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	988.737.628	581.402.162
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.118.750.000	3.386.250.000
	6.107.487.628	3.967.652.162
	5.118.750.000	3.386.250.000
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 30)		

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.403.750	-
Chi phí nhân công	4.255.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.414.900	1.640.001
	13.073.650	1.640.001

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.556.544	31.633.864
Chi phí nhân công	880.219.868	686.881.588
Chi phí dự phòng	-	119.888.705
Thuế, phí, và lệ phí	4.669.399	4.222.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	759.806.785	501.929.272
Chi phí khác bằng tiền	1.045.502	37.357.697
	1.665.298.098	1.381.913.348
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 30)	17.850.000	16.650.000
25 . THU NHẬP KHÁC		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ chương trình khuyến mãi được hưởng	15.656.250	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	727.273	-
Thu nhập khác	12.995.090	5.751.353
	29.378.613	5.751.353
26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.020.200.757	4.268.268.686
Các khoản điều chỉnh tăng	60.861.000	34.791.000
- Chi phí không hợp lệ	60.861.000	34.791.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.118.750.000)	(4.303.059.686)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.118.750.000)	(3.386.250.000)
- Chuyển lỗ các kỳ trước	-	(916.809.686)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(37.688.243)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(77.307.094)	(77.307.094)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(77.307.094)	(77.307.094)
27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.598.746	82.751.112
Chi phí nhân công	884.474.868	686.881.588
Chi phí dự phòng	-	119.888.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.553.410.180	1.380.835.091
Chi phí khác bằng tiền	5.382.035.137	4.943.677.867
	7.851.518.931	7.214.034.363
28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH		

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của trái phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư dài hạn	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000
	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	420.778.953	-	-	420.778.953
Phải thu khách hàng, phải thu khác	424.922.323	922.187.970	-	1.347.110.293
Các khoản cho vay	11.109.662.834	6.805.000.000	-	17.914.662.834
	<u>11.955.364.110</u>	<u>7.727.187.970</u>	<u>-</u>	<u>19.682.552.080</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.635.640.976	-	-	2.635.640.976
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.544.011	922.187.970	-	1.013.731.981
Các khoản cho vay	4.972.432.648	5.600.000.000	-	10.572.432.648
	<u>7.699.617.635</u>	<u>6.522.187.970</u>	<u>-</u>	<u>14.221.805.605</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	539.013.277	1.148.627.590	-	1.687.640.867
Chi phí phải trả	109.644.222	-	-	109.644.222
	<u>648.657.499</u>	<u>1.148.627.590</u>	<u>-</u>	<u>1.797.285.089</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	584.003.879	1.026.659.284	-	1.610.663.163
Chi phí phải trả	77.087.498	-	-	77.087.498
	<u>661.091.377</u>	<u>1.026.659.284</u>	<u>-</u>	<u>1.687.750.661</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết